TÒA ÁN NHÂN DÂN **HUYỆN BỐ TRẠCH** **TỈNH QUẢNG BÌNH**	**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 71/2019/HS-ST
Ngày: 23-10-2019

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN BỐ TRẠCH, TỈNH QUẢNG BÌNH

Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:
- *Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa:* Ông Dương Viết Hải
- *Các Hội thẩm nhân dân:*
Ông: Nguyễn Xuân Thịnh
Bà: Nguyễn Thị Thương
- *Thư ký phiên tòa:* ông Phan Anh Đức - Thư ký Tòa án nhân dân huyện Bố Trạch, tỉnh Quảng Bình.
- *Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Quảng Trạch, tỉnh Quảng Bình tham gia phiên tòa:* bà Hoàng Thị Bích Liên - Kiểm sát viên.

Trong ngày 23 tháng 10 năm 2019, tại trụ sở Tòa án nhân dân huyện Bố Trạch, tỉnh Quảng Bình mở phiên toà xét xử công khai vụ án hình sự sơ thẩm thụ lý số 70/2019/TLST - HSST ngày 18 tháng 9 năm 2019, theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 76/2019/QĐXXST - HSST ngày10/10/2019, đối với:

Bị cáo: Đậu Văn L, sinh ngày 08/12/1994 tại huyện B, tỉnh Quảng Bình; Nơi đăng ký hộ khẩu thường trú: thôn Đ, xã C, huyện B, tỉnh Quảng Bình; quốc tịch: Việt Nam; dân tộc: Kinh; tôn giáo: Không; trình độ học vấn: 9/12; nghề nghiệp: Lao động tự do; Con ông: Đậu Văn Đ và bà Trần Thị V; Tiền án, tiền sự: Không. Bị cáo bị áp dụng biện pháp ngăn chặn "Cấm đi khỏi nơi cư trú" từ ngày 23/7/2019 đến nay, có mặt tại phiên tòa.

- *Những người bị hại:*
1. Bà Nguyễn Thị T, sinh năm 1971; trú tại: thôn Tr, xã C, huyện B, tỉnh Quảng Bình, có mặt
2. Chị Trần Thị Kim H, sinh năm 1987; trú tại: tổ Dân phố D, TT.Nông trường V, huyện B, tỉnh Quảng Bình, có mặt

- *Người có quyền lợi nghĩa vụ liên quan:*
Anh Nguyễn Văn Ng, sinh năm 1990; nơi cư trú: thôn S, xã C, huyện B, tỉnh Quảng Bình, có mặt

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo các tài liệu có trong hồ sơ vụ án và diễn biến tại phiên tòa, nội dung vụ án được tóm tắt như sau:

Khoảng 22 giờ 30 phút ngày 23/6/2019, Đậu Văn L đi bộ vào khuôn viên Trạm Y tế xã C ở thôn Đ, xã C, huyện B, tỉnh Quảng Bình nằm ngủ ở ghế đá. Đến khoảng 02 giờ, ngày 24/6/2019 L tỉnh dậy thấy phòng tiêm của Trạm Y tế không khóa cửa nên nảy sinh ý định đột nhập vào lấy trộm tài sản. L đẩy cửa đi vào phòng tiêm thấy Bác sỹ Nguyễn Thị T và Y sỹ Trần Thị Kim H đang nằm ngủ trên giường, dưới gối chị T có điện thoại di động hiệu Samsung Galaxy A6 và cạnh người chị H có điện thoại OPPO A37F, L lén lút lấy trộm 02 điện thoại và cục xạc điện thoại đang cắm ở ổ cắm điện rồi đi bộ đến chợ C. Đến 07 giờ sáng cùng ngày, L đến cửa hàng Điện thoại Ngọc Đ của anh Nguyễn Văn Ng ở thôn T, xã C bán bán điện thoại OPPO A37F cho anh Nguyễn Văn Ng với giá 600.000 đồng lấy tiền tiêu xài cá nhân, còn điện thoại Samsung Galaxy A6 mang theo người để sử dụng. Đến chiều cùng ngày L bị Công an huyện B, tỉnh Quảng Bình bắt giữ và thu giữ điện thoại Samsung Galaxy A6, điện thoại OPPO A37F.

Tại bản kết luận định giá tài sản số 25/KL - HĐĐG ngày 25/7/2019 của Hội đồng định giá tài sản trong tố tụng hình sự huyện B kết luận: điện thoại Samsung Galaxy A6 trị giá 4.000.000 đồng; điện thoại OPPO A37F trị giá 2.620.000 đồng.

Vật chứng và xử lý vật chứng: Quá trình điều tra, Cơ quan Cảnh sát điều tra đã thu giữ và trả lại cho các bị hại là chị Nguyễn Thị T 01 Samsung Galaxy A6 và chị Trần Thị Kim H 01 điện thoại OPPO A37F.

Về trách nhiệm dân sự: Những người bị hại đã nhận lại tài sản bị mất trộm, người có quyền lợi nghĩa vụ liên quan nhận lại tiền do bị cáo trả. Tại phiên tòa không ai có yêu cầu bồi thường gì thêm.

Bản cáo trạng số 66/CT- VKSBT ngày 17/9/2019 của Viện kiểm sát nhân dân huyện B truy tố bị cáo Đậu Văn L về tội "Trộm cắp tài sản" theo quy định tại khoản 1 Điều 173 Bộ luật hình sự. Tại phiên toà, đại diện Viện kiểm sát giữ nguyên quan điểm truy tố đối với bị cáo theo toàn bộ nội dung bản cáo trạng, đã xem xét đánh giá tính chất, mức độ, hậu quả của hành vi phạm tội mà bị cáo thực hiện, các tình tiết giảm nhẹ trách nhiệm hình sự và nhân thân của bị cáo. Đề nghị Hội đồng xét xử áp dụng: khoản 1 Điều 173, các điểm i, s khoản 1, khoản 2 Điều 51, Điều 38 và Điều 65 Bộ luật hình sự để xử phạt bị cáo từ 09 đến 12 tháng tù, nhưng cho hưởng án treo và ấn định thời gian thử thách theo quy định của pháp luật; về hình phạt bổ sung: miễn hình phạt bổ sung đối với bị cáo; về xử lý vật chứng và trách nhiệm dân sự: miễn xét và tuyên án phí, quyền kháng cáo theo quy định của pháp luật.

Những người bị hại, người có quyền lợi nghĩa vụ liên quan nhất trí như quan điểm luận tội của Kiểm sát viên về tội danh và các điểm, khoản, mức hình phạt mà Kiểm sát viên đề nghị và có ý kiến đề nghị HĐXX xem xét giảm nhẹ hình phạt đối với bị cáo.

Bị cáo Đậu Văn L nhất trí như quan điểm luận tội của Kiểm sát viên về tội danh và các điểm, khoản, mức hình phạt mà Kiểm sát viên đề nghị. Bị cáo rất ân hận về hành vi phạm tội của mình, xin hứa sẽ không tái phạm nữa. Vì vậy, đề nghị Hội đồng xét xử xem xét giảm nhẹ hình phạt và cho bị cáo được cải tạo, giáo dục tại địa phương để có điều kiện tự cải tạo, giáo dục bản thân và giúp đỡ gia đình.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Trên cơ sở nội dung vụ án, căn cứ vào các tài liệu trong hồ sơ vụ án đã được tranh tụng tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định như sau:

[1] Về hành vi, quyết định tố tụng của Cơ quan điều tra, Điều tra viên, Viện kiểm sát, Kiểm sát viên trong quá trình điều tra, truy tố đã thực hiện đúng về thẩm quyền, trình tự, thủ tục quy định của Bộ luật tố tụng hình sự. Quá trình điều tra và tại phiên tòa bị cáo, bị hại và những người tham gia tố tụng không có ý kiến hay khiếu nại gì về hành vi, quyết định của Cơ quan tiến hành tố tụng, người tiến hành tố tụng. Do đó, các hành vi, quyết định tố tụng của Cơ quan tiến hành tố tụng, người tiến hành tố tụng đã thực hiện đều hợp pháp.

[2] Về tội danh: Tại phiên tòa, bị cáo Đậu Văn L đã khai nhận, lợi dụng việc mất cảnh giác của các Y, Bác sỹ trực tại Trạm Y tế xã ngủ tại phòng tiêm không khóa cửa, nên khoảng 02 giờ ngày 24/6/2019 bị cáo lén lút đột nhập vào phòng tiêm lấy trộm 02 điện thoại di động hiệu Samsung Galaxy A6 và hiệu OPPO A37F của Bác sỹ T và Y sỹ H, nhằm mục đích bán lấy tiền tiêu xài cá nhân. Tổng giá trị tài sản mà bị cáo chiếm đoạt là 6.620.000 đồng. Lời khai nhận của bị cáo là hoàn toàn phù hợp với lời khai tại cơ quan điều tra, lời khai của những người bị hại và diễn biến quá trình thực hiện hành vi phạm tội, vật chứng đã thu giữ, cũng như các tài liệu, chứng cứ khác được thu thập tại hồ sơ vụ án đã được tranh tụng tại phiên tòa. Vì vậy, Hội đồng xét xử có đủ cơ sở kết luận bị cáo Đậu Văn L phạm tội "Trộm cắp tài sản" theo quy định tại khoản 1 Điều 173 Bộ luật hình sự, đúng như quyết định truy tố của Viện kiểm sát nhân dân huyện B, quan điểm luận tội của Kiểm sát viên, lời khai nhận tội của bị cáo và những người tham gia tố tụng khác.

[3] Xét về tính chất, mức độ, hậu quả của hành vi phạm tội mà bị cáo đã thực hiện thấy: Bị cáo là một thanh niên, có sức khỏe và đủ năng lực chịu trách nhiệm hình sự, nên nhận thức được hành vi lấy trộm tài sản của người khác là vi phạm pháp luật hình sự, nhưng do nhu cầu cá nhân, thiếu ý thức tu dưỡng rèn luyện, lười lao động và bất chấp pháp luật, nên đã cố ý chiếm đoạt trái phép tài sản của người khác. Hành vi của bị cáo là nguy hiểm cho xã hội, đã xâm phạm trực tiếp đến quyền sở hữu tài sản của chị T và chị H được pháp luật bảo vệ, gây mất ổn định tình hình an ninh trật tự, trị an xã hội, gây bất bình cho người dân trên địa bàn. Vì vậy, cần có một hình phạt tương xứng với hành vi phạm tội mà bị cáo đã gây ra mới đủ tác dụng cải tạo, giáo dục bị cáo và răn đe phòng ngừa chung.

[4] Xét về các tình tiết tăng nặng, giảm nhẹ trách nhiệm hình sự và nhân thân của bị cáo thấy: Bị cáo không có tình tiết tăng nặng; về tình tiết giảm nhẹ: trong quá trình điều tra, cũng như tại phiên tòa bị cáo đã thành khẩn khai báo, ăn năn hối cải, nhận thức được việc làm sai trái của mình; bị cáo phạm tội lần đầu và thuộc trường hợp ít nghiêm trọng; những người bị hại đều có ý kiến đề nghị giảm nhẹ hình phạt cho bị cáo, nên cần áp dụng những tình tiết quy định tại các điểm i, s khoản 1 và khoản 2 Điều 51 Bộ luật hình sự để giảm nhẹ một phần hình phạt cho bị cáo.

[5] Về hình phạt: Trên cơ sở đánh giá tính chất, mức độ, hậu quả, các tình tiết giảm nhẹ trách nhiệm hình sự và nhân thân của bị cáo khi thực hiện hành vi phạm tội thấy: Bị cáo không có tình tiết tăng nặng, có nhiều tình tiết giảm nhẹ, nhân thân tốt, chưa có tiền án, tiền sự, có nơi cư trú rõ ràng nên có khả năng tự tu dưỡng, rèn luyện, cải tạo bản thân tại địa phương. Vì vậy, cần chấp nhận mức hình phạt như đề nghị của đại diện Viện kiểm sát, chưa cần thiết phải cách ly bị cáo ra khỏi xã hội mà áp dụng Điều 65 Bộ luật hình sự để xử phạt bị cáo hình phạt tù cho hưởng án treo và giao bị cáo cho chính quyền địa phương phối hợp với gia đình giám sát, giáo dục cũng đủ tác dụng cải tạo, giáo dục, răn đe bị cáo và phòng ngừa chung.

[6] Về hình phạt bổ sung: Xét bị cáo làm nghề lao động tự do, công việc và thu nhập không ổn đinh, bản thân còn phụ thuộc gia đình, nên miễn hình phạt bổ sung đối với bị cáo.

[7] Về trách nhiệm dân sự: Quá trình điều tra những người bị hại đã nhận lại đầy đủ tài sản bị mất trộm; người có quyền lợi nghĩa vụ liên quan đã nhận lại tiền mua tài sản của bị cáo. Tại phiên toà không ai có ý kiến, yêu cầu gì thêm nên Hội đồng xét xử không xem xét.

[8] Về xử lý vật chứng: Quá trình điều tra, cơ quan Cảnh sát điều tra đã xác định được chủ sở hữu hợp pháp của 02 máy điện thoại di động mà bị cáo chiếm đoạt, nên đã trả lại cho chủ sở hữu là phù hợp với quy định của pháp luật. Tại phiên toà không ai có ý kiến, yêu cầu gì nên Hội đồng xét xử không xem xét.

[9] Liên quan trong vụ án này có anh Nguyễn Văn Ng là người mua điện thoại do bị cáo bán. Tuy nhiên, khi anh Ng mua điện thoại của bị cáo không biết rõ điện thoại đó do bị cáo phạm tội mà có, nên không đủ căn cứ để xử lý hình sự đối với anh Ng.

[10] Về án phí và quyền kháng cáo: Buộc bị cáo Đậu Văn L phải chịu 200.000 đồng tiền án phí hình sự sơ thẩm để sung vào ngân sách Nhà nước.

Bị cáo, những người bị hại, người có quyền lợi nghĩa vụ liên quan có quyền kháng cáo bản án theo quy định của pháp luật.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ khoản 1 Điều 173; các điểm i, s khoản 1 và khoản 2 Điều 51, Điều 65 Bộ luật hình sự; khoản 2 Điều 136 Bộ luật Tố tụng hình sự; Điều 23 của Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 của Ban Thường vụ Quốc Hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí, lệ phí Tòa án.

1. Tuyên bố: bị cáo Đậu Văn L phạm tội "Trộm cắp tài sản".

Xử phạt bị cáo Đậu Văn L 12 (Mười hai) tháng tù cho hưởng án treo, thời gian thử thách là 24 (Hai mười bốn) tháng, kể từ ngày tuyên án sơ thẩm.

Giao bị cáo Đậu Văn L cho Uỷ ban nhân dân xã C, huyện B, tỉnh Quảng Bình phối hợp với gia đình giám sát, giáo dục bị cáo trong thời gian thử thách của án treo.

Trong thời gian thử thách, nếu người được hưởng án treo vi phạm nghĩa vụ theo quy định của Luật Thi hành án hình sự 02 lần trở lên, thì Tòa án có thể quyết định buộc người đó phải chấp hành hình phạt tù của bản án đã cho hưởng án treo. Trường hợp thực hiện hành vi phạm tội mới thì Toà án buộc người đó phải chấp hành hình phạt của bản án trước và tổng hợp với hình phạt của bản án mới.

Trong trường hợp người được hưởng án treo thay đổi nơi cư trú thì thực hiện theo quy định của pháp luật về Thi hành án hình sự.

2. Về hình phạt bổ sung: Miễn hình phạt bổ sung đối với bị cáo Đậu Văn L.

3. Về án phí: Buộc bị cáo Đậu Văn L phải chịu 200.000 đồng *(hai trăm nghìn)* đồng tiền án phí hình sự sơ thẩm để sung vào ngân sách nhà nước.

Bị cáo, những người bị hại, người có quyền lợi nghĩa vụ liên quan được quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án sơ thẩm.

Nơi nhận:
- TAND tỉnh Quảng Bình;
- CA huyện B;
- Sở Tư pháp tỉnh Quảng Bình;
- VKSND huyện B;
- THADS huyện B;
- UBND xã C;
- Bị cáo, người TGTT;
- THA hình sự;
- Lưu HSVA.

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa

(Đã ký)

Dương Viết Hải